TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 21/2024/HS-ST

Ngày 10 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Khắc Thái, bà Nguyễn Thị Phương Thiệu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: bà Nguyễn Thị Hằng, là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên toà: ông Trương Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10/4/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2024/TLST- HS ngày 22/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Phạm Văn Đ, tên gọi khác: không, sinh năm 1980 tại huyện N, tỉnh N

Nơi cư trú: phố N G, thị trấn N, huyện N, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; trình độ văn hóa: lớp 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Lê Thị Q và 02 con cùng sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 25/11/2011, bị UBND huyện N ra quyết định số 3363 về việc đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 24 tháng, chấp hành xong quyết định ngày 16/12/2013, đã được xóa; ngày 22/02/2021, bị UBND thị trấn N, huyện N ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn trong thời hạn 03 tháng, chấp hành xong quyết định ngày 22/5/2021, đã được xóa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/01/2024, chuyển tạm giam ngày 31/01/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt.

Người làm chứng: ông Nguyễn Văn M và anh Ngô Văn Q- đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Đ là người sử dụng ma túy, loại Heroine từ năm 2011. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/01/2024 Đ đi nhờ xe của người đi đường không quen biết từ nhà ở phố N G, Thị trấn N, huyện N đến khu vực cầu S thuộc địa phận xã V, huyện N để tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân. Khi đến nơi thì Đ xuống xe, đi bộ một đoạn nhìn thấy một người nam giới *(Đại không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này)* đang đứng ở bên đường trông giống người nghiện ma túy. Đ tiến lại gần và hỏi:*"Anh có ma túy không, bán cho em hai trăm"*, người nam giới hiểu ý của Đ nên đồng ý nói: *"Có, đưa tiền đây"*. Đ lấy ra số tiền 200.000 đồng đưa cho người nam giới, người này cầm tiền rồi đưa cho Đ 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng. Đ mở gói nhỏ trên ra kiểm tra thấy bên trong là chất bột dạng cục màu trắng, xác định đúng là Heroine nên gói lại cầm trên tay trái rồi đi bộ tìm nơi sử dụng, còn người nam giới đã bán ma túy cho Đ cũng bỏ đi luôn.

Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, khi Phạm Văn Đ đang đi bộ trên đường Quốc lộ 12B thuộc thôn S, xã V, huyện N thì gặp Tổ tuần tra Công an huyện N phối hợp Công an xã V đang làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát trên địa bàn. Tổ tuần tra thấy Đ có nhiều biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên đã yêu cầu Đ đứng lại để kiểm tra; Biết không thể che giấu được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên Phạm Văn Đ đã tự giác giao nộp 01 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu trắng bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng mà Đ đang cầm trên tay trái và khai nhận đó là 01 gói ma túy, loại Heroine của Đ mua về nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Tổ tuần tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ, niêm phong vật chứng là: 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy trắng, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra Tổ tuần tra còn thu giữ tại túi áo khoác phía dưới bên phải Đ đang mặc số tiền 30.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành cân xác định khối lượng chất bột dạng cục màu trắng chứa trong 01 gói nhỏ thu giữ của Phạm Văn Đ có khối lượng cụ thể: là 0,16 gam (ký hiệu M) để gửi trưng cầu giám định về khối lượng và loại chất ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 222/KL-KTHS-MT ngày 30/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận:

"Mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,1538 gam, là ma túy, loại Heroine (Heroin)

Heroine (Heroin) có tên khoa học là Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và là chất ma túy thuộc bảng Danh mục IA, số thứ tự 9; Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/5/2022 của Chính phủ".

Quá trình điều tra, Phạm Văn Đ đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã ra quyết định chuyển 01 phong bì thư được niêm phong theo quy định của pháp luật là mẫu vật hoàn trả theo kết luận giám định số 222/KL-KTHS-MT bên trong là chất bột mầu trắng còn lại trong trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu M còn lại có khối lượng 0,0976 gam là ma

túy, loại Heroine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì thư niêm phong theo quy định của pháp luật bên trong là vỏ gói, vỏ phong bì thư niêm phong ban đầu đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Tại Bản cáo trạng số 20/CT- VKSNQ - HS ngày 19/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Phạm Văn Đ ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy", theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận giám định và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, Đ diện VKSND huyện N thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Văn Đ như nội dung Bản cáo trạng. Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội **"**tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 15 (*mười lăm*) tháng tù đến 18 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 24/01/2024; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo Đ; tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư được niêm phong theo quy định của pháp luật là mẫu vật hoàn trả theo kết luận giám định số 222/KL-KTHS-MT bên trong là chất bột mầu trắng còn lại trong trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu M còn lại có khối lượng 0,0976 gam là ma túy, loại Heroine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì thư niêm phong theo quy định của pháp luật bên trong là vỏ gói, vỏ phong bì thư niêm phong ban đầu; trả lại cho bị cáo Đ số tiền 30.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án; bị cáo Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích các chứng cứ xác định có tội: tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: xuất phát từ việc bản thân bị cáo Phạm Văn Đ muốn có ma túy sử dụng cho bản thân nên khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/01/2024 Đ đi đến khu vực cầu S thuộc địa phận xã V, huyện N để tìm mua ma túy sử dụng cho

bản thân. Tại đây, bị cáo Đ gặp và mua được từ một người nam giới không quen biết 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng với giá 200.000 đồng. Bị cáo Đ đã mở ra kiểm tra, thấy bên trong có chất bột dạng cục màu trắng, xác định là heroine nên cầm lấy gói nhỏ vừa mua được ở tay trái rồi đi tìm nơi sử dụng. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, khi Phạm Văn Đ đang đi bộ trên đường Quốc lộ 12B thuộc thôn S, xã V, huyện N thì gặp Tổ tuần tra Công an huyện N phối hợp Công an xã V đang làm nhiệm vụ, yêu cầu kiểm tra. Do biết không thể che giấu việc cất giấu ma túy nên Đ đã tự giác lấy 01 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu trắng bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng giao nộp cho Tổ tuần tra. Đ khai nhận gói nhỏ mà Đ vừa giao nộp là ma túy loại heroine mà Đ vừa mua được để sử dụng. Như vậy, rõ ràng bị cáo Đ đã có hành vi cất giấu trái phép 0,1538 gam, là ma túy, loại Heroine đúng như kết luận giám định, Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên nhằm để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với kết luận giám định, với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với vật chứng của vụ án đã được thu giữ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội "tàng trữ trái phép chất ma túy''. Căn cứ tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo và khối lượng Heroine mà bị cáo tàng trữ, Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Đ theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 249: Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy.

[4]. Bản thân bị cáo là người đã thành niên nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện, học tập mà sớm sa vào con đường nghiện ngập ma túy dẫn đến phạm tội. Ma tuý là một tệ nạn mà Nhà nước ta đang ra sức loại trừ, vì ma tuý mà nhiều gia đình bị khuynh gia bại sản, vợ chồng ly tán. Ma tuý ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, là hiểm họa gây nên căn bệnh HIV/AIDS, ảnh hưởng đến sự phát triển của giống nòi, đồng thời là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Phạm Văn Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng là người có nhân thân xấu.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đó là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo là người có nhân thân xấu nên cần có một hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo Phạm Văn Đ tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

[8]. Về xử lý vật chứng: đối với 01 phong bì thư được niêm phong theo quy định của pháp luật là mẫu vật hoàn trả theo kết luận giám định số 222/KL-KTHS-MT bên trong là chất bột mầu trắng còn lại trong trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu M còn lại có khối lượng 0,0976 gam là ma túy, loại Heroine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì thư niêm phong theo quy định của pháp luật bên trong là vỏ gói, vỏ phong bì thư niêm phong ban đầu là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 30.000 đồng thu giữ của bị cáo Đ không liên quan tội phạm nên trả lại cho bị cáo Đ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án

Đối với người nam giới đã bán ma túy cho bị cáo Phạm Văn Đ ngày 24/01/2024 (*theo lời khai của Phạm Văn Đ*) ở khu vực cầu S thuộc địa phận xã V, huyện N. Do bị cáo Đ không biết tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có đủ căn cứ để xác minh, làm rõ, nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[9] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 BLHS; các Điều 106, 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội "*tàng trữ trái phép chất ma túy*". Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 16 (*mười sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 24/01/2024.

2. Về xử lý vật chứng: trả lại cho bị cáo Phạm Văn Đ số tiền 30.000 đồng đang gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án; tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư được niêm phong theo quy định của pháp luật là mẫu vật hoàn trả theo kết luận giám định số 222/KL-KTHS-MT bên trong là chất bột mầu trắng còn lại trong trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu M còn lại có khối lượng 0,0976 gam là ma túy, loại Heroine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì thư niêm phong

theo quy định của pháp luật bên trong là vỏ gói, vỏ phong bì thư niêm phong ban đầu. (đặc điểm chi tiết các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/3/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện N và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N).

3. Về án phí: bị cáo Phạm Văn Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, người được thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Quốc